

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIÊN LƯƠNG
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án: **149/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 07/9/2018

“V/v Ly hôn và nuôi con chung”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN LƯƠNG - TỈNH KIÊN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa, thẩm phán: Bà **Nguyễn Thị Tuyết Minh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phù Thọ Bồn**

2. Ông **Nguyễn Văn Đạt**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Lê Xuân Cường** – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương - tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang: Không thuộc trường hợp tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 9 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 102/2018/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30 tháng 8 năm 2018.

1/ Nguyên đơn: Chị **Vũ Thị Kiều N** – sinh năm 1977, có mặt.

Địa chỉ: 164, tổ 16, khu phố L, thị trấn K, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

2/ Bị đơn: Anh **Danh Q** – sinh năm 1973, có đơn vắng mặt.

Địa chỉ: 164, tổ 16, khu phố L, thị trấn K, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những lời khai tại Tòa của chị Vũ Thị Kiều N trình bày: Chị N và anh Q cưới nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn K, huyện Hà Tiên (cũ) nay là huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 1999. Thời gian chung sống giữa chị và anh Q không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không thể hòa hợp. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Danh Q.

Con chung: Có 02 người con chung tên Danh Thảo V – sinh ngày 09/12/2006 và Danh Như T – sinh ngày 06/01/2000, nay chị N yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng.

Tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai anh Danh Q trình bày như sau: Anh Q và chị N kết hôn, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn K, huyện Hà Tiên (cũ) nay là huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang. Theo anh thì cuộc sống hôn nhân mệt mỏi, không hợp nhau, không thể sống chung với nhau được, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Danh Thảo V – sinh ngày 09/12/2006 và Danh Như T – sinh ngày 06/01/2000. Nếu chị N yêu cầu nuôi con và không yêu cầu anh cấp dưỡng thì anh cũng đồng ý giao con cho chị N nuôi.

Tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị N vẫn giữ quan điểm xin được ly hôn với anh Danh Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội Đồng Xét Xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Danh Q có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị Vũ Thị Kiều N và anh Danh Q chung sống với nhau và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 29/4/1999. Trong thời gian chung sống giữa chị N và anh Q không tìm được tiếng nói chung nên thường xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng của chị N và anh Q không được hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N yêu cầu ly hôn anh Q. Tuy nhiên, trong quá trình Tòa án giải quyết anh Q có yêu cầu vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Do anh Q cũng có bản tự khai đồng ý ly hôn với chị N nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị N và anh Q đều có ý kiến thống nhất giao 02 người con chung tên Danh Thảo V – sinh ngày 09/12/2006 và Danh Như T – sinh ngày 06/01/2000 cho chị N nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N không có yêu cầu. Xét thấy cháu T đã đủ 18 tuổi và đang sống chung với chị N, chị N cũng không có yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con nên hội đồng xét xử không xem xét đối với cháu T. Cháu V có văn bản ghi nhận nguyện vọng muốn chung sống với mẹ nên giao cháu V cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[5] Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ, do chị N yêu cầu ly hôn nên phải nộp.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: Các Điều 56, 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1. Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Vũ Thị Kiều N được ly hôn với anh Danh Q.

- Về con chung: Giao cháu Danh Thảo V – sinh ngày 09/12/2006 cho chị N nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và anh Q không phải cấp dưỡng do chị N không yêu cầu.

Anh Q được quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.

Bảo lưu quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị N và anh Q.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

2. Về án phí: Áp dụng các điều 144, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Vũ Thị Kiều N phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm và được khấu trừ vào án phí tạm nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0001848 ngày 08/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang (đã thực hiện xong).

3. Quyền kháng cáo: Chị N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (07/9/2018); Anh Q được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Kiên Lương;
- Thị Hành An DS h.Kiên Lương;
- Những người TGT;
- Lưu tập án, hồ sơ;
- Lưu VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Minh